

TÌM HIỂU NGHỀ CHẾ TÁC ĐÁ CỔ TRUYỀN Ở LÀNG NHỒI (XÃ ĐÔNG HUNG - ĐÔNG SƠN - THANH HÓA)

ĐẶNG THỊ HOA

Đông Sơn, vùng đất có nhiều vết tích cư trú của con người thuở bình minh lịch sử, là nơi sớm nổi tiếng có nền văn hóa sông nước, quê hương của nền “Văn hóa Đông Sơn” nổi tiếng. Trong lịch sử, Đông Sơn không chỉ là nơi có nhiều danh lam thắng cảnh, có nhiều nghề thủ công cổ truyền nổi tiếng: đúc đồng làng Trà Đông; đục đá làng Nhồi; dệt nhiều làng Hồng Đô, ... cũng là nơi sinh ra những người con xuất chúng: Lê Văn Hưu, Lê Quát. Bởi vậy, Đông Sơn là vùng đất văn vật của xứ Thanh.

Vùng đất núi Nhồi(1) nằm phía nam huyện Đông Sơn, xưa kia là nơi giáp danh giữa quận Cửu Chân và Giao Chỉ; mảnh đất địa đầu của miền Trung. Làng Nhồi nằm sát chân núi, ngày nay là địa giới phía nam của huyện Đông Sơn và thị xã Thanh Hóa có đường sắt Thống Nhất chạy qua. Núi Nhồi đã nổi danh trong lịch sử với hình tượng “kiệt nhiên trung trí” (Người hào kiệt đứng giữa núi) hay truyền thuyết về người phụ nữ thủy chung chờ chồng hóa đá; giữa khung cảnh “đồng ruộng san sát, xanh tốt như mây” với những màu sắc lung linh của huyền thoại, sắc óng ảnh của nguồn đá quý(2) khiến cho nơi đây là một thắng tích của xứ Thanh. Hơn thế nữa, nơi này còn được nhiều người biết đến qua những di vật văn hóa vô giá bằng đá do nhiều thế hệ nghề nhân làng Nhồi chế tác.

Nghề làm đồ đá ở làng Nhồi có từ lâu đời và nổi tiếng từ thời xa xưa. Sách “Quảng dư chí” thế kỉ III có chép việc quan thái thú Dự Châu đời Tấn là Phạm Ninh đã biết đến tiếng tốt của đá Nhồi, sai người đến lấy về làm khánh(3). Trong các bộ cổ sử của các triều đại phong kiến Việt Nam cũng ghi nhận sự phát triển của nghề đá làng Nhồi(4).

Tên tuổi của các nghề nhân chế tác đá làng Nhồi được ghi rõ trong hệ thống văn bia thuộc nhiều niên đại: bia Trường Xuân (thế kỉ 7); Bia chùa Báo Ân (thế kỉ 11) (Đông Sơn), Bia Văn Miếu (Hà Nội)(5)... Trong các công trình nghiên cứu nghề cổ truyền của mình, các học giả Pháp: Robequain, Le Breton cũng coi nghề đá làng Nhồi là một trong những nghề nổi tiếng và độc đáo ở xứ Thanh.

Cho tới nay, nghề đá ở đây vẫn được các nghề nhân kế tục và phát triển. Các sản phẩm của nghề đá làng Nhồi vẫn được biết đến như một mặt hàng có uy tín trên thị trường trong nước. Với bài viết dưới đây, chúng tôi xin giới thiệu một vài tư liệu về kĩ thuật của làng nghề giàu truyền thống và nổi tiếng này.

1. Núi Nhồi được hình thành ở kỉ Đêvôn với sự lắng đọng trầm tích. Trên gần 100 ha núi chủ yếu là đá Labradorit đá macma xâm nhập, chứa các phiến điệp thạch: sa thạch xám, sa thạch đỏ, putđin có chứa thạch anh,... đã hình thành các lớp đá vôi có nhiều màu sắc: xanh, đỏ, đen,...

Đá xanh là loại đá có số lượng nhiều và chiếm ưu thế hơn cả trên núi. Đá có thớ mịn

(1) Núi Nhồi còn gọi là núi An Hoạch; núi Vọng Phu.

(2) Văn bia chùa Báo Ân - *Văn thơ Lí Trần*, NXBKHXH, H, 1980, tr.507.

(3) Nguồn thông tin được xác nhận trong các tư liệu:

Đại Việt sử kí toàn thư T2- NXBKHXH, H, 1985, tr.81; *Lịch triều hiến chương loại chí* - NXB Sử học, H, 1960, tr.42; *Những di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh trên đất Thanh Hóa* bản dịch tiếng Pháp, phần núi An Hoạch, TV phòng địa chí TH.

(4) Các tư liệu: Văn bia chùa Báo Ân, văn thư Lí Trần, sdd, tr.507, 508, *Lịch triều hiến chương loại chí*, sdd, tr. 42; *Thanh Hóa tỉnh chí*, bản dịch - Tư liệu Khoa Sử ĐHTH HN, V178, tr.57, ...

(5) *Khảo sát truyền thống văn hóa Đông Sơn*, NXBKHXH, 1990, t.8. Văn thư Lí Trần, sdd t.507; Tuyển tập văn bia Hà Nội, NXBKHXH, 1978, tr.56.

và phẳng, ít có chất tạp, thịt đá mềm và trong suốt nhưng có kết cấu bền thuận tiện cho việc chế tác. Đá xanh có ở khắp núi và thường nằm lộ thiên theo những mạch khá lớn. Các lớp đá dày khoảng 40-50 cm. Đó là nguồn đá sắc óng ánh như ngọc lam, chất biếc xanh như khói nhạt, sau này đục đá làm khí cụ ví như đeo thành khánh đánh lên thì tiếng ngân muôn dặm, dùng làm văn bia để lại thì còn mãi ngàn đời"(6). Từ xa xưa đã nổi tiếng "Đá xanh sản xuất ở núi An Hoạch, Đông Sơn có màu rất đẹp chế làm đồ dùng bền đẹp nhất nước ta"(7).

Đá xanh có rất nhiều công dụng, có thể chế tác các sản phẩm nghệ thuật, kiến trúc, chạm khắc mỹ nghệ hay đồ dùng sinh hoạt. Có loại xanh đốm và xanh mịn, là loại đá quý, "đã được dùng làm bia, mốc và khánh"(8).

Đá đen: màu đen tuyền, trong có kết cấu khá vững chắc. Đá đen tròn và rắn hơn đá xanh, khó chế tác đồ dân dụng, mỹ nghệ. Đá đen rất hiếm, chỉ gặp một số mạch nhỏ ở khu đền Năm Cậu (được khai thác thời kì xây dựng lăng Bác và quảng trường Ba Đình). Số lượng lấy được chỉ bằng 1/10 các loại đá khác, vì thế đá đen được sử dụng chủ yếu trong các công trình nghệ thuật lăng tẩm.

Đá đỏ: màu đẹp huyền ảo, rất cứng và khó chế tác thành phẩm. Đá đỏ không có những mạch lớn mà nằm lẻ tẻ lẫn trong các mạch đá xanh. Khai thác đá đỏ rất khó khăn và hiệu quả ít. Đá đỏ và đá đen là những loại đá quý hiếm có giá trị thẩm mỹ cao ở nước ta.

Đá lông chuột (còn gọi là đá xám, đá mốc), có kết cấu tự nhiên theo những mạch lớn, nằm lộ thiên. Đá có màu xám, lốm đốm trắng; trong đá có nhiều chất tạp nên giòn, khó chế tác các sản phẩm dân dụng, đồ mỹ nghệ. Đá lông chuột thường được dùng trong các công trình xây dựng kiến trúc hay chế tác những con giống có kích thước lớn.

Ngoài ra trên núi Nhồi còn có những loại đá khác có nhiều vân hoa đẹp: đá vân mây hồng, vân mây đen, vàng chanh..., đó là nguồn nguyên liệu phong phú đa dạng cung cấp cho nghề đá làng Nhồi.

Thợ đá ở đây có thể biết được những đặc điểm của đá Nhồi và phân biệt với các loại

đá khác. Đó là loại đá đặc thịt, chất đá trong suốt một màu, ít chất tạp và có nhiều vân hoa, màu sắc đẹp. Thịt đá mềm, mạch thẳng; thợ phẳng. Bằng con mắt nghề nghiệp, người thợ đá có thể phân biệt được những hòn đá có màu xanh mượt, gõ vào có tiếng kêu thanh là hòn đá tốt, những hòn có màu "sường sượng" gõ có tiếng kêu đục, trầm là đá xấu hay đã có vết rạn nứt. Tùy vào đó mà họ sử dụng "hạng tinh thì dùng làm khánh, những hạng thô thì làm đồ vật khác"(9).

2. Bộ công cụ chế tác cổ truyền làng Nhồi có vị trí hết sức quan trọng trong nghề và có những nét độc đáo. Thợ đá có thể tự tạo các công cụ đồ nghề dựa trên nguồn vật liệu sẵn có: gỗ Bà Nàng hay trao đổi vật liệu thép với làng rèn Tràu Bừa, Tác Tác.

Cui là công cụ đóng (như búa) mà người thợ đá sử dụng trong suốt quá trình lao động sáng tạo của mình. Cui không làm bằng thép hay các loại gỗ khác mà được làm bằng gỗ Bà Nàng. Tuy không rắn như gỗ lim nhưng gỗ Bà Nàng rất dai và ít vỡ: Ưu điểm của loại cui này là đảm bảo được độ nén, lún mà ít gây hư hỏng cho sản phẩm. Tuy nhiên, nó kém chịu nước, vì thế thợ đá bảo quản cui rất thận trọng. Khi đang làm trên núi gặp trời mưa, họ có thể bỏ lại tất cả, nhưng lại sẵn sàng cởi áo đang mặc trùm cui chạy trú mưa. Đây là một trong những nguyên do khiến thợ đá không thể tiến hành công việc dưới trời mưa.

Cây Bà Nàng được trồng trong vườn, ven ngõ, bờ rào các gia đình làng Nhồi. Đó là loại cây thân gỗ, lá hình răng cưa, quả mọc thành chùm, mỗi năm tự rụng vỏ một lần.

Trồng cây khoảng 5-6 năm có thể sử dụng được. Vật liệu làm cui sẵn có trong làng Nhồi, vì thế rất ít người phải đi mua. Họ thường dự trữ trên gác bếp hàng chục khúc, nếu thiếu có thể mua ngay trong làng một khúc gỗ loại to với giá một quan tiền (1940).

(6) Văn bia chùa Báo Ân, sđđ, tr.508

(7) Thanh Hóa tỉnh chí Trần Lê Hữu dịch, kh V178, phong tư liệu Khoa Sử, ĐHTH HN, tr.41.

(8) Lịch triều hiến chương loại chí sđđ, tr.41.

(9) Thanh Hóa tỉnh chí - sđđ - tr.143

Cui có hình dáng giống chiếc vò của người nông dân, mặt cắt ngang của cui hình thang cân; hai đầu vát về phía tay cầm khoảng 25° . Khi đóng cui luôn hạ thấp tay cầm (hạ đốc cui) để cho lực tập trung mạnh mà cui không bị quay ngang. Bộ cui đây đủ có 4 loại: *Cui phá*, loại cui lớn nhất, chiều dài thân cui là 25×17 cm; đường kính dài hình tròn e líp 16cm; nặng 2kg. Cắm làm bằng thanh tre đục chắc chắn. Cui này dùng trong những công việc nặng nhọc: khai thác trên lò, đánh phá những khối đá lớn. Người ta thường chọn các đoạn gỗ gốc để làm cui phá.

- Cui làm lại có kích thước: 15×13 cm; đường kính 11cm; nặng 1,5kg. Sử dụng trong việc đánh nê, tách bóc các lớp đá hay tạo hình dáng của sản phẩm.

- Cui làm tinh có kích thước 11×6 cm; nặng 1kg, chủ yếu dùng đục các sản phẩm dân dụng, các chi tiết lớn trên sản phẩm.

- Cui điêu khắc bé nhất dùng trong các sản phẩm tinh chế hoàn chỉnh sản phẩm: đục khắc chữ, hoa văn.

Cui là công cụ quan trọng của nghề đá. Nó được sử dụng phổ biến và hầu như không thay thế được bằng các công cụ khác. Hiện nay cui vẫn được sử dụng trong các gia đình làm nghề đá cổ truyền ở làng Nhồi.

Nê. Trong khai thác đá, việc sử dụng nê sắt là một bước tiến của kỹ thuật công cụ. Nê sắt thay thế cho nê gỗ và được sử dụng trong việc khai thác và đánh phá các khối đá lớn. Nê làm bằng một loại thép hợp kim có độ bền cao, chịu được lực đóng, không giòn và "ăn đá". Khi sử dụng, nê được tra vào những lỗ nê đã đục sẵn, dùng cui tán đều lên các đầu nê tách các lớp đá.

Nê phá dài 15-20 cm, rộng 8 cm, dày 3 cm, cạnh đầu mũi dày 1 cm. Nê có hình thang cân thu nhỏ về phía đầu mũi dùng để phá những khối đá lớn trên lò khai thác.

Nê đánh phác có kích thước $10 \times 15 \times 1,5 \times 2$ cm. Đầu mũi dày 0,8 cm, nặng 0,4 - 0,6 kg; thường dùng đánh phác các khối đá theo hình sản phẩm.

Khi đóng nê phải có sự hợp lực của 2-3 người và đánh đều tay. Thợ đóng nê là

những người có khả năng làm việc tốt và có kinh nghiệm.

Đục có thể coi đây là loại công cụ quan trọng nhất của người thợ đá. Đục được làm từ loại thép hợp kim và được rèn rất có kỹ thuật. Có nhiều loại đục, số lượng tùy thuộc vào công việc, tay nghề sử dụng hay khả năng mua sắm của người thợ. Bộ đục có thể chia làm 2 loại:

Đục phác: loại đục to có kích thước dài 10-18 cm, đường kính thân đục 1,5 cm, đục phác có nhiều loại khác nhau được sử dụng trong những công việc phù hợp: đục bạt thân tròn, đầu bẹt, mũi đục mỏng và sắc; đục nhọn giống như đục bạt nhưng đầu mũi nhọn, dùng đục các lỗ nê; đục ve thân tròn hoặc hình bát giác, đầu bẹt nhọn rất sắc dùng để lấy đường thẳng, cạnh góc vuông.

Đục tinh chế có kích thước bé hơn và số lượng không hạn định. Đục tinh chế cũng có đủ các loại đục bạt, đục nhọn, đục ve thường dùng để tách hoa văn, tách chữ. Bộ đục tinh chế có đầy đủ nhất ở những người thợ lành nghề, lâu năm hay các nghệ nhân chuyên làm những sản phẩm nghệ thuật, điêu khắc.

Ngoài ra, còn có một loại đục nhọn dài 35 - 40 cm; đường kính thân đục 1 cm, dùng đục các lỗ sâu hốc con lăn, lỗ chân con giống, đục mộng,...

Bạt có hình dáng, kích thước chất liệu thép gần giống đục. Ở đầu mũi bạt được tán mỏng và rèn rất sắc. Khi luyện thép làm bạt phải bảo đảm được yêu cầu "Sắc bén đá". Bạt thường dùng để chặt, phá các cạnh vuông, đường thẳng, bạt lòng cối hay lấy mặt phẳng. Có các loại bạt ve, bạt chữ dùng để chạm khắc hoa văn, khắc chữ.

Trước khi học nghề, thợ đá làng Nhồi trước đây thường "sắm cui, sắm đục". Mỗi bộ đồ nghề phải mua từ 50 - 60 quan tiền (1940). Trong quá trình sản xuất luôn phải bảo hành, sửa chữa công cụ, vì vậy mỗi gia đình thợ đá thường có các dụng cụ sửa chữa đồ nghề. Thợ làng Nhồi thường mua thép về tự rèn đục, chặt nê. Yêu cầu kỹ thuật khi rèn công cụ sắt là phải dùng than gỗ lim có độ nóng cao. Sản phẩm rèn sau khi tôi có nước thép màu xám xanh là tốt nhất. Nếu

nước thép có màu trắng hay tím hoa cà là chưa đạt yêu cầu. Vật liệu thép do làng Trầu Bừa hay làng rền Tắc Tắc cung cấp. Trong làng cũng có một số gia đình làm nghề rèn, chuyên sửa chữa công cụ nghề đá hay nhận làm các bộ công cụ. Bộ công cụ sửa chữa gồm có: đục chặt, lò quay, đe sắt, đá mài, dao rựa.

Bên cạnh bộ đồ nghề chủ yếu, thợ đá làng Nhồi còn có những công cụ phụ trợ khác:

Thước - Công cụ làm chuẩn định. Thước có hai loại: thước vuông (thước nách) có hình dạng của 2 cạnh một góc vuông, mỗi cạnh dài 0,5m; trên mặt thước có phân chia tỉ lệ xích. Thước vuông dùng đo, xác định tâm vật khối, cạnh góc vuông hay lấy mặt phẳng tròn. Thước dài tính theo đơn vị chiều dài thước địa phương (1 thước = 2m). Sử dụng khi khai thác hay chế tác sản phẩm.

Búa được sử dụng rất hạn chế, búa chỉ dùng phổ biến sau khi thực dân Pháp sang cai trị và cho khai thác đá Nhồi. Có hai loại: Búa mồm có 1 đầu bằng và một đầu lõm dùng đóng đục, đóng nêm. Búa bằm là sử cải tiến lấy mặt bằng thay bẹt. Năng suất sử dụng búa bằm cao hơn nhiều nhưng chất lượng sản phẩm kém so với bẹt.

Khoan với phương pháp thủ công, người thợ đá có thể tự tạo công cụ khoan bằng một loại thép rất cứng làm mũi, thân là những thanh tre (hoặc gỗ) có trục và tay quay. Khoan sử dụng trong việc chế tác các loại hình sản phẩm con giống, tượng hay các công trình kiến trúc.

Giàn mài đá được cấu tạo bởi hai thanh gỗ, 1 thanh được ghim chặt dưới đất, thanh kia đặt phía trên có khắc giữ đá. Phía trên giàn mài có treo một nồi vòm (Loại nồi đất đựng nước) có lỗ thủng nhỏ giọt xuống giàn mài. Thợ mài đá, tay phải đưa kéo khúc gỗ trên, tay trái liên tục ném cát vào bề mặt tiếp xúc của hai hòn đá. Mài đá đòi hỏi phải có sức khỏe và thời gian. Đá Nhồi mài nhẵn rất bóng và có màu sắc đẹp. Quy trình mài đánh bóng sản phẩm không thể thiếu trong các công trình kiến trúc cung đình, lăng tẩm, các sản phẩm mỹ nghệ.

Một bộ công cụ của nghề đá thường được sử dụng 3-4 năm. Người thợ đá rất coi trọng

việc bảo quản đồ nghề. Toàn bộ công cụ sắt được đựng trong những mo cau cắt trên giá gỗ. Bộ cui được bảo quản trong các bao tải hay bị coi để ở nơi khô ráo. Bộ công cụ của người thợ đá làng Nhồi vừa là phương tiện kiếm sống, là tài sản đáng giá nhất và cũng là người bạn của họ.

Trong quá trình lao động, người thợ đá làng Nhồi đã đúc rút được những kinh nghiệm sản xuất quý giá. Việc tìm mạch đá và xác định thớ đá là rất quan trọng đối với khai thác và chế tác sản phẩm. từ vị trí tự nhiên, người thợ có kinh nghiệm dễ dàng nhận biết được hướng của mạch và thớ đá: mạch và thớ đá núi Nhồi thường theo hướng đông tây.

Trong khi làm, thợ đá phải có mẹo để lấy và vận chuyển đá. Kỹ thuật đóng nêm phải đúng mạch và các lỗ nêm phải theo hàng thẳng bằng. Thợ đá có thể sử dụng phương pháp đóng xiên hông, lựa thớ mà đánh đá, tránh bị bả nát. Vận chuyển đá là công việc rất nặng nhọc và hết sức thận trọng. Có thể dùng đòn bẩy, giàn dáo đưa đá xuống núi.

Theo kinh nghiệm của các cụ thợ đá làng Nhồi, yêu cầu đầu tiên khi làm một sản phẩm đá phải bảo đảm vuông thành sắc cạnh và lấy được mặt bằng của sản phẩm. Khi đục một cối giã gạo trước hết người ta thường lấy mặt bằng hai đáy, đục phác hình cối, dùng thước vuông quay lấy tâm, xác định độ sâu lòng cối, cuối cùng là đục xoay lòng cối hoàn chỉnh sản phẩm. Với các loại con giống thường được lựa chọn những hòn đá phù hợp, đục chân đế, xác định kích thước, lấy điểm đầu và điểm cuối làm chuẩn đục phác hình. Khi tinh chế và trang trí hoa văn thường làm xuôi từ đầu trở xuống. Để có sự cân đối hài hòa trong cách tạo hình dáng, đường nét cần có sự lão luyện, tài giỏi của người thợ. Thông thường những sản phẩm này do các nghệ nhân cao niên trong làng đảm nhiệm.

Nét riêng trong kỹ thuật đục đá làng Nhồi là mũi đục bao giờ cũng ngắn và nhọn vát như đuôi con cá cóc. Có thể phân biệt dễ dàng một sản phẩm đá làng Nhồi qua nhận biết chất đá và đường đục mũi chạm trên sản phẩm.

Thợ đá làng Nhồi làm việc hầu như quanh năm và thường xuyên ở ngoài trời. Vào dịp đầu xuân, làng thường tổ chức các hội cha, hội làng... đó là những ngày sinh hoạt cộng đồng sôi nổi của người thợ đá. Thời gian nghỉ xuân thường kéo dài cho tới sau ngày lễ tổ 10 tháng 2 âm lịch⁽¹⁰⁾.

Là một làng nông nghiệp, trong quá trình phát triển nghề đá làng Nhồi đã chiếm một vị trí quan trọng trong đời sống kinh tế - xã hội của làng. Nghề đá đã thu hút được phần lớn nguồn nhân công trong làng. Từ đó đã hình thành sự phân công lao động làng nghề rõ nét và những tổ chức hiệp thợ khá chặt chẽ. Công việc nghề đá hầu như độc lập và chỉ phụ thuộc vào điều kiện thời tiết và nhu cầu đặt hàng của khách.

Các loại hình sản phẩm thường được nhận đặt theo các hợp đồng của khách hàng. Khi nhận một hợp đồng, thợ đá bao giờ cũng giao kèo cẩn thận về kích thước, hình dáng, trang trí hoa văn; tùy theo yêu cầu đó mà thợ đá có những sáng tạo trong kĩ thuật, làm ra những sản phẩm hợp thị hiếu của khách hàng. Các loại sản phẩm làng Nhồi rất phong phú và đa dạng. Hầu như không có một khuôn mẫu nhất định cho mỗi loại hình sản phẩm mà ở mỗi cái đều có nét sáng tạo riêng của người thợ đá; sản phẩm đá làng Nhồi có một khối lượng rất lớn có thể là những bộ sưu tập thú vị. Chúng tôi có thể chia thành hai loại hình chủ yếu của sản phẩm đá cổ truyền làng Nhồi: đồ dân dụng và sản phẩm mang giá trị nghệ thuật.

Gắn với vùng đồng bằng độc canh cây lúa nước, từ xa xưa nghề đá đã có mối quan hệ chặt chẽ với nghề nông. Nó cung cấp cho người nông dân những công cụ lao động và đồ dùng sinh hoạt. Từ những bàn nghiên hạt, cối giã, cuốc đá,... cho đến các loại trục lăn, cối xay, cối giã, nén cà,... là những sản phẩm đá gần gũi quen thuộc từ bao đời nay trong mỗi gia đình nông dân vùng đồng bằng Thanh Nghệ. Ngày nay, trong điều kiện xã hội đã phát triển, những trục lăn, cối đá,... của làng Nhồi vẫn đang được sử dụng phổ biến và đáp ứng được phần nào nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Đó là quá trình đáp ứng nhu cầu thực tế của nghề đá khiến cho nó ngày càng

có vị trí quan trọng và có quan hệ mật thiết với nghề nông.

Cối: một trong những mặt hàng chủ yếu và phổ biến ở làng Nhồi. Nó có nhiều hình loại và kích thước đa dạng tùy thuộc vào những viên đá mà thợ đá có thể tận dụng được. Cối có dạng hình tròn, hình lục giác hay có hai tai.

Cối có kích thước lớn nhất thường dùng giã gạo, đường kính miệng cối 45 cm; cao 35 cm; nặng 75 kg. Thể tích lòng cối có thể chứa được một mủng lúa (5 kg). Một ngày, một thợ đá lành nghề có thể đục được một cối đại.

Cối giã giò rất phong phú về hình dáng và kích thước. Cối giã giò thường nhỏ hơn cối đại và còn dùng trong sinh hoạt: giã cua, giã vừng,... Một ngày thợ đá có thể đục được từ 3 đến 4 cái.

Cối lũng (súng) loại cối đại dùng lâu năm hay là một loại bán thành phẩm của cối đại được dùng đập lúa, công cụ thu hoạch lúa quan trọng của người nông dân.

Trục lăn: có nhiều loại và kích thước khác nhau tùy theo yêu cầu sử dụng: trục lăn đường có kích thước lớn; phổ biến là trục kéo rơm, kéo mật chiều dài 45 cm, đường kính 20 cm, nặng 50 kg.

Nén dũa, nén cà là sản phẩm thông dụng, phổ biến ở mỗi gia đình nông dân. Để tận dụng đá, thợ đá có thể làm các kiểu loại, kích thước phù hợp nhu cầu sử dụng của nhân dân trong vùng.

Trong các công trình kiến trúc có nhiều sản phẩm đá phong phú về chủng loại và hình thù đa dạng. Đá tảng kê chân cột được sử dụng hầu hết trong các công trình kiến trúc công cộng ở các làng. Có loại đá tảng hình tròn, hình vuông hay có mặt gương. Loại chân cột cổ bông (bông) có gương kê ráp. Mỗi bộ đá tảng kê chân cột có 24 viên, thường chỉ có đủ trong các gia đình giàu có. Ở gia đình

(10) Theo truyền thuyết còn lưu truyền ở làng Nhồi, ông tổ nghề đá là người phương Bắc có di hiệu trong bài văn cúng là "Hoàn tôn công đại đức đức bảo trung hưng linh phù tôn thần". Hằng năm tế lễ vào 2 kì: 10 tháng 2 và 15 tháng 8.

ngheo chỉ đặt làm vữa với số cột nhà mà họ có đủ khả năng dựng được.

Đá lan rai: có rất nhiều dùng lát hè, bao tường sân, kê giếng làng, cầu ao. Đá lan rai có nhiều hình loại, phổ biến là loại đá dài 1m, cao 40cm, rộng 20 cm. Trong các công trình kiến trúc đặc biệt thường có trang trí hoa văn hình rồng, hình sóng nước: chùa Hương Nghiêm - Đông Sơn.

Cột nhà là một trong những vật liệu quan trọng của ngôi nhà. Nó được chế tác cùng với kết cấu của chân cột, vì kèo. Cột nhà có trang trí hoa văn rồng, phượng, hoa dây hoặc kẻ câu đối.

Cột treo khánh có dạng hình vuông hay hình tròn dựng ở các cửa đền, cửa chùa.

Vì kèo được lắp ráp mộng với kĩ thuật điều luyện của người thợ đá. Trên vì kèo thường có những câu đối, hoa văn rồng chạm khắc cầu kì.

Chốt giàng, một sản phẩm sáng tạo của người thợ đá trong kiến trúc những công trình thành quách đồ sộ. Đó là những viên đá có mấu, có góc cạnh đặt ở những góc thành tạo nên những bức thành kiên cố.

Trong kĩ thuật chế tác vật liệu xây dựng, thợ đá làng Nhồi đã đạt được những kết quả đáng kể với những công trình đá hoàn thiện: Thành nhà Hồ, Lam Kinh, khu lăng quận công Nguyễn Khải, nghề Quận Mãn,... Ngày nay ở các làng quê vùng đồng bằng Thanh Hóa còn rất nhiều những sản phẩm kiến trúc của làng Nhồi: giếng làng, cầu đá, đình, chùa,...

Đồ thờ cúng, loại sản phẩm đã mang tính phổ biến và ưa dùng trong nhân dân. Sản phẩm đồ thờ cúng không chỉ là những vật dụng thông thường mà còn mang ý nghĩa linh thiêng trong đời sống của người dân.

Bàn thờ được chế tác từ những khối đá nguyên có chạm trở hoa văn rồng châu nguyệt, hoa dây, ...

Ngai thờ là sản phẩm mà người thợ đá mất khá nhiều công phu vì tính cầu kì, tỉ mỉ và sang trọng của nó. Ngai thờ được chế tác từ một khối đá lớn hay ráp mộng trên một bệ đá chắc chắn. Trên ngai có những hoa văn

hình rồng, đường hình học: bàn thờ, ngai thờ - nghề Quận Mãn, làng Nhồi.

Bát hương, vật dụng phổ biến trong mỗi gia đình. Có nhiều loại bát hương: bát hương lớn trong chùa, đền; bát hương thờ trong gia đình. Có bát hương tròn, hình lục giác có đế, hai tai đầu rồng, đầu hạc có chạm khắc hoa văn hình rồng, phượng.

Khánh là loại hình sản phẩm nổi tiếng từ xa xưa. Khánh được lựa chọn đá và chế tác công phu; có ý nghĩa sử dụng rất cao. Khánh vẫn là sản phẩm ưa chuộng trong đời sống hiện đại: Hội Việt Kiều ở Pháp đã đặt làm một cái khánh năm 1989. Ngoài ra còn có những sản phẩm phục vụ trong các đình chùa: chân cột cờ, đế tàn, đế lọng, đèn..., thể hiện tính phong phú, đa dạng sản phẩm đồ dân dụng của làng Nhồi.

Sự nổi danh xa gần của nghề đá làng Nhồi phải kể đến các sản phẩm mang giá trị nghệ thuật. Đó là những sản phẩm vừa mang giá trị sử dụng, giá trị tinh thần cao và cũng đã phản ánh được mơ ước về sức mạnh quyền lực và sự ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng Nho giáo.

Bia loại hình sản phẩm có số lượng rất lớn và có giá trị lịch sử cao. Sự phân bố bia khá lớn trên đất Đông Sơn và vùng đồng bằng Thanh Hóa cùng với tên tuổi của thợ đá làng Nhồi ghi tạc trên bia thể hiện sự phát triển mạnh mẽ của nghề đá làng Nhồi. Có thể phân loại thành những nhóm loại hình bia như: Nhà bia: là bia cỡ lớn ghi công trạng, báo ơn những bậc danh nhân. Nhà bia được chế tác từ những khối đá lớn và được lắp ráp rất tỉ mỉ. Nhà bia có nhiều trong các chùa, đình, đền lớn; chùa Hai Voi - thị xã Thanh Hóa; Lam Kinh...

Bia trên lưng rùa, lưng hạc có ở bia thời Trần (Quảng Hùng, Quảng Xương).

Bia tạc trên vách đá được tạo trong các vách hang, vách đá cao hay trên đỉnh núi: hang chùa Tiên Sơn, hòn vọng phu núi Nhồi, núi Bàn A...

Bia mộ chí, loại sản phẩm thông dụng và được lưu giữ nhiều đến ngày nay.

Sản phẩm bia đá của làng Nhồi có nhiều loại hình và đa dạng về kích thước. Trên bia

được trang trí nhiều loại hình hoa văn. Phổ biến là mô típ hoa văn rồng trên trán bia và dây hoa leo ở các diềm bia.

Tượng là một trong những sản phẩm đòi hỏi tay nghề cao và cũng là mặt hàng nổi tiếng của làng Nhòì. Sản phẩm tượng được thể hiện nhiều hình, nhiều vẻ phản ánh nhiều nét sinh hoạt của cuộc sống.

Tượng vệ sĩ: ngoài giá trị thẩm mỹ còn có thể làm mẫu cho việc khôi phục quần áo thiết bị chiến đấu thời cổ do tính chân thực và chi tiết của chúng.

Tượng thần, phật được chế tác với nhiều hình loại: tượng thần Độc Cước, Sầm Sơn; tượng Adida trên núi Bàn A, Đông Sơn; tượng Phật chùa Quan Thánh, các tượng quan văn, quan võ trong các đền, nghề thờ...

Tượng vũ nữ: thể hiện kĩ thuật chế tác đá đạt tới trình độ cao và mang những yếu tố nghệ thuật và kĩ thuật chế tác đá Chăm: tượng Vũ nữ đền thờ Lê Đại Hành, Thọ Xuân.

Tượng quan hầu: cũng được phản ánh với những chi tiết chân thực trong trang phục cân đai, áo mũ, tư thế châu của một viên quan hầu: đền Độc Cước, Sầm Sơn.

Tượng phỗng với đường nét đường bệ, các tượng phỗng đã nổi bật hơn lên với sự ảnh hưởng rõ nét của nghệ thuật chế tác đá Chăm: tượng phỗng đền thờ Thiệu Quý Linh (Đông Xuân), đền Độc Cước, đền Tống Duy Tân, thị xã Thanh Hóa.

Với khối lượng sản phẩm tượng đá còn tìm thấy rất nhiều ở Thanh Hóa cũng đã thể hiện sự phát triển mạnh của nghề đá làng Nhòì. Trong quá trình phát triển, sản phẩm tượng không chỉ có sự nâng cao cải tiến kĩ thuật chế tác mà còn thể hiện sự đan xen, ảnh hưởng rõ nét của kĩ thuật chế tác đá nổi tiếng của người Chăm.

Loại hình sản phẩm con giống cũng rất phong phú và đa dạng. Đối tượng miêu tả của thợ đá là những con vật gần gũi trong đời sống đến những con vật mang tính biểu tượng theo tín ngưỡng. Ở mỗi loại hình con giống lại là những sưu tập thú vị mang sắc thái đa dạng của nghệ thuật chế tác đá. Có thể chia thành những nhóm sản phẩm con giống:

Nhóm những con vật tượng trưng theo tín ngưỡng:

Rồng, phượng được trang trí và cách điệu hoa văn cầu kì. Hình dáng rồng thay đổi theo từng thời kì lịch sử: rồng thời Lí, thời Trần, thời Lê, thời Nguyễn.

Những con vật, voi, ngựa, sư tử, hổ, ... được thể hiện ở nhiều dáng nét, tư thế: phục, quỳ, đứng châu và có khi còn được trang bị đầy đủ những thiết bị chiến đấu: bành, yên, cương...

Chó nghê, chó ngao, sấu được thể hiện phong phú về dáng nét và hình dạng: nghê châu ngồi, đứng, nằm có cách điệu bờm, mặt, đuôi...

Nhóm những con vật gần gũi trong cuộc sống: lợn, chó, chồn, tê giác, ... cũng phong phú về hình dáng và các tư thế thể hiện. Hoa văn trên những con vật này đơn giản hơn và thường là ít có sự cách điệu.

Qua khối lượng lớn sản phẩm đá làng Nhòì, chúng ta có thể tập hợp được những bộ sưu tập đa dạng về chủng loại, phong phú về hình nét đã thể hiện được sự phát triển mạnh của nghề đá làng Nhòì. Sản phẩm đá làng Nhòì không chỉ đáp ứng được nhu cầu sử dụng của một bộ phận nông dân mà còn đáp ứng được nhu cầu sử dụng rộng rãi trong nhân dân. Các sản phẩm có giá trị đã từng "vang bóng" trong lịch sử, nó phản ánh kĩ thuật chế tác đá điêu luyện, sự say mê sáng tạo của thợ đá, đồng thời mang những nét tiêu biểu của một làng nghề truyền thống trên vùng đất lịch sử.

Giá trị lớn lao của sản phẩm đá làng Nhòì là ở giá trị thẩm mỹ của chúng. Ở mỗi loại hình, sản phẩm làng Nhòì phong phú về hình dáng, tư thế, sự cách điệu. Hoa văn trên sản phẩm cũng rất đa dạng với những mô típ nổi bật: rồng, phượng, hoa dây. Mô típ hoa văn trên sản phẩm đá là sự kết hợp hài hòa những đường nét cách điệu dân gian với sự chính xác, chi tiết của dòng nghệ thuật chính thống. Trong công trình xây dựng lăng Thánh Mẫu ở Phú Giày có trang trí các hoa văn hổ châu, rồng phù, quả thụ lựu, quả đào đựng nước, nghiên mực... Mô típ hoa văn rồng cũng rất phong phú. Hình tượng con rồng thay đổi

dáng nét qua các thời kì lịch sử: rồng thời Lí (chùa Sùng Nghiêm), rồng thời Trần (bia động Đông Sơn); rồng thời Lê (Lam Kinh); rồng thời Nguyễn (sư tập, Đông Sơn).

Sản phẩm đá đồng thời cũng là những tác phẩm nghệ thuật mang ý nghĩa tôn giáo sâu sắc. Các quần thể kiến trúc đá hay những pho tượng đá đã phản ánh sự ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng Nho giáo. Qua các sản phẩm đá làng Nhòì, chúng ta có thể thấy rằng, nếu đối chiếu với di sản nghệ thuật đá ở Quảng Nam mang nhiều biểu hiện văn hóa Ấn Độ giáo, di sản chùa Phật Tích Hà Bắc biểu hiện văn hóa Phật giáo thì ở sản phẩm đá làng Nhòì, chúng ta có thể thấy được nhiều ảnh hưởng của Nho giáo. Trong các quần thể kiến trúc đá ở Đông Sơn và nhiều nơi ở Thanh Hóa, các yếu tố của tín ngưỡng Nho giáo được thể hiện rõ trong các sản phẩm đá: sản phẩm đồ thờ cúng, các đèn thờ, miếu mạo,... Mặt khác, sản phẩm đá làng Nhòì còn mang

những yếu tố của Phật giáo, Thiên Chúa giáo: Chùa Báo Ân, nhà thờ Phát Diệm... đặc biệt là những sản phẩm mang yếu tố nghệ thuật Chăm. Các sản phẩm tượng người, con giống được chau chuốt tinh vi khiến người xem không khỏi thán phục.

Ngày nay, chúng ta có thể trực tiếp quan sát tại các cụm di tích quần thể kiến trúc đá tại làng Nhòì và nhiều nơi khác trong tỉnh Thanh Hóa.

Nghề đá cổ truyền làng Nhòì đã có một quá trình phát triển từ rất lâu đời và có truyền thống chế tác đá dựa trên nguồn nguyên liệu núi Nhòì. Sản phẩm đá làng Nhòì đã đáp ứng được một phần nhu cầu sử dụng của nhân dân trong vùng, đồng thời nó không chỉ có giá trị lịch sử, giá trị thẩm mĩ mà còn mang giá trị tinh thần rất cao. Các sản phẩm đá làng Nhòì đã trở thành những di tích lịch sử văn hóa ghi lại những dấu ấn lịch sử trong truyền thống vẻ vang của dân tộc ta.

HƯƠNG ƯỚC...

(Tiếp theo trang 72)

vấn tiềm ẩn trong đời sống hàng ngày của mỗi làng xóm với cả những mặt tích cực và tiêu cực. Trong công cuộc cải tạo và xây dựng nông thôn mới, nhiều điều khoản, tinh thần hương ước xưa vẫn còn có ý nghĩa thiết thực, đó là tư tưởng khuyến nông, khuyến học, tinh thần cộng đồng và tình thương yêu, cứu trợ đối với các bậc già cả, cô đơn, trẻ em nghèo, mồ côi không nơi nương tựa... Hội bảo thọ, quỹ tình thương, quỹ hỗ trợ tài năng trẻ... có thể vận dụng những mặt tích cực ấy để hoạt động chắc chắn sẽ có hiệu quả, thu hút được

nhieu cá nhân và tổ chức tham gia, vì điều đó không xa lạ gì với nếp sống truyền thống của nhân dân ta ở các làng quê thuở trước.

(1) (2) (12) (13) (14) Bản khoán ước làng Phúc Kinh (xã Hải Hòa - Hải Lăng - Quảng Trị), nguyên bản chữ Hán lưu tại địa phương.

(3) Làng Phù Bài, theo thống kê dân số năm Minh Mạng thứ tư (1823), dân các hạng có 380 người, trong đó hạng lính đã là 115 người.

- Làng Cầu Hoan (Hải Thuận - Hải Lăng - Quảng Trị), theo báo cáo của hương lão lý dịch năm 1867, khi ấy có 530 người được nhận ruộng công thì chức sắc đã có 45 vị và lính các loại là 55 người...

(4, 9, 11, 15) - Bản bổ sung hương ước làng Cầu Hoan làm năm 1865 và bản làm năm 1867.

(5, 7, 8) - Bản điều lệ làng Dã Lê Thượng (Thủy Phương - Hương Thủy - Thừa Thiên - Huế) làm năm 1911.

(6, 10) - Hương ước làng Phù Bài (Thủy Phù - Hương Thủy - Thừa Thiên - Huế), bản chữ Hán, hiệu lưu tại địa phương.